SỞ Y TẾ THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN C

Số: 469 /BVC-HCQT
V/v: Mời báo giá in mẫu biểu phục vụ công tác chuyên môn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hanh phúc

Thái Nguyên, ngày 21 tháng 08 năm 2025

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện C Thái Nguyên có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu "In mẫu biểu phục vụ công tác chuyên môn Bệnh viện C tháng 8, 9 năm 2025" với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện C, Địa chỉ: Số 595 Trần Hưng Đạo, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

Họ tên: Đinh Tiến Bình

Số điện thoại: 0988880112

Địa chỉ email: vanthu14bvc@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp: nhà cung cấp dịch vụ báo giá bằng văn bản, có chữ ký và dấu đỏ của đơn vị gửi về địa chỉ: Bệnh viện C, Địa chỉ: Số 595 Trần Hưng Đạo, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên

- Hoặc nhận qua Email: Nhà cung cấp dịch vụ báo giá bằng File mềm (bản PDF và văn bản Excel) gửi vào Email: vanthu14bvc@gmail.com

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 16 giờ 00 phút ngày 22 tháng 08 năm 2025 đến trước 17 giờ 00 phút ngày 27 tháng 08 năm 2025

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 03 tháng 09 năm 2025.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục kèm mô tả yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật và thông tin liên quan (chi tiết theo bảng phụ lục kèm theo công văn này).

2. Địa điểm cung cấp: Phòng Hành chính quản trị Bệnh viện C, số 595 Trần Hưng Đạo, phường Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: quý III năm 2025.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Không có tạm ứng, thanh toán 1 lần bằng hình thức chuyển khoản sau khi nhận được kết quả kiểm định và đầy đủ hóa đơn, biên bản bàn giao và nghiệm thu, bảng xác định khối lượng công việc hoàn thành.

5. Thông tin khác:

Báo giá bằng tiền đồng Việt Nam đã bao gồm thuế VAT và tất cả chi phí liên quan.

Rất mong nhận được sự quan tâm và gửi báo giá của Quý đơn vị.

Bệnh viện C xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như kính gửi;
- Lưu: VT, HCQT (Binhdt).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH THÁI NGUYÊN
BỆNH VIỆN C

Lê Thị Thanh Bình

PHỤ LỤC
DANH MỤC BIỂU MẪU

(Kèm theo CV Số: 469 /BVC-HCQT của Bệnh viện C)

STT	Danh mục biểu mẫu	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
1	Thẻ dị ứng	Tờ	Kích thước 1/4 A4, giấy ofset định lượng 250g/m²	50
2	Bệnh án bỏng	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ 1 tờ/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 3 nan	80
3	Bệnh án da liễu	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	500
4	Bệnh án điều trị NT bệnh tuyến giáp	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ ≥64 trang/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	650
5	Bệnh án ĐT NT bệnh lý tim mạch	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ ≥8 trang/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²	2000
6	Bệnh án ĐT NT đái tháo đường	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ ≥64 trang/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²	600
7	Bệnh án ĐT NT tăng huyết áp	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ ≥64 trang/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²	200
8	Biên bản cam kết đồng ý GMHS	Tờ	Khổ A4/ 2 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	500
9	Hạn dùng	Tờ	Khổ A4/ 1 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	1.000
10	Phiếu định nhóm máu	Tờ	Khổ A5/1 mặt bóng định lượng 350g/m2	1.000
11	Quy trình kỹ thuật rửa tay thường quy	Tờ	Khổ A4/ 1 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	500
12	Quy trình thay băng	Tờ	Khổ A4/ 1 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	500
13	Sổ bàn giao thuốc thường trực	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	3
14	Sổ bình bệnh án và bình phiếu chăm sóc	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	1

STT	Danh mục biểu mẫu	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
15	Sổ tam tra	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	2
16	Bệnh án phục hồi chức năng	Quyển	Khổ A3 bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	300
17	Sổ TD và chăm sóc bệnh nhân phòng hồi tỉnh	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	10
18	Bệnh án mắt (Glôcôm)	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	20
19	Bệnh án mắt bán phần trước	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	150
20	Bệnh án nội	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	3.000
21	Bệnh án NT viêm gan	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ 8 tờ/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 3 nan	350
22	Bệnh án NT viêm gan	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ ≥8 trang/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 3 nan	700
23	Bệnh án ngoại	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	1.620
24	Bệnh án ngoại trú	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	50
25	Bệnh án ngoại trú nội thận tiết niệu	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ 1 tờ/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92/ 3 nan	300
26	Bệnh án nhi	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	1.400
27	Bệnh án phụ khoa	Quyển	Khổ A3 bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	100
28	Bệnh án phục hồi chức năng	Quyển	Khổ A3 bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	200
29	Bệnh án Răng Hàm Mặt	Quyển	Khổ A3 bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	350
30	Bệnh án sản	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	787
31	Bệnh án sơ sinh	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	90

STT	Danh mục biểu mẫu	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
32	Bệnh án Tai Mũi Họng	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	300
33	Bệnh án truyền nhiễm	Quyển	Khổ A3 bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	900
34	Bệnh án ung bướu	Quyển	Khổ A3 bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	750
35	Bệnh án YHCT	Quyển	Khổ A3 / bìa ngoại định lượng ≥150g/m²/ 6 nan	400
36	Bìa đóng chứng từ	Tờ	Bìa Dupnex Kích thước 7x30cm	500
37	Dcan tem dán túi thuốc YHCT	Tờ	Khổ 32x43cm giấy Dcan bóng định lượng ≥250g/m². In màu bế tem.	117
38	Đơn thuốc	Tờ	Khổ A5/ 1 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	500
39	Giấy báo ăn	Tờ	Khổ A5/ 1 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	1.000
40	Giấy bóng in ảnh	Tờ	Khổ A4 định lượng 135 bóng	1.000
41	Giấy khám sức khỏe	Tờ	Khổ A3/ 2 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	2.300
42	Giấy tạm gửi tiền viện phí	Tờ	Khổ A5/ 1 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	7.000
43	Hồ sơ bệnh án phá thai	Quyển	Khổ A3/2 mặt/5 tờ/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 /bìa ofset định lượng ≥300g/m²	100
44	Lệnh điều xe	Quyển	Khổ A3/2 mặt/ gấp đôi/ 200 trang/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	7
45	Nhãn hòa hợp	Tờ	Khổ A4 in mầu giấy Dcan bóng định lượng ≥120g/m²	100
46	Nhiễm khuẩn vết mổ	Tờ	Khổ A4/ 1 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	300
47	Phiếu khảo sát ý kiến người bệnh	Tờ	Khổ A5 định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	8.000
48	Phiếu khảo sát ý kiến nhân viên y tế	Tờ	Khổ A3/ 2 mặt định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92	1000
49	Phiếu mượn đồ	Quyển	Khổ A4/gập đôi/≥100 tờ/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	100

STT	Danh mục biểu mẫu	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
50	Sổ bàn giao bệnh án	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng≥250g/m²	2
51	Sổ bàn giao DC thường trực	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 /bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	3
52	Sổ bàn giao thuốc ngoài giờ	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng≥250g/m²	80
53	Sổ báo ăn	Quyển	A2/2 mặt/gấp đôi/≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	3
54	Sổ cấy máu	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	3
55	Sổ chẩn đoán hình ảnh	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	1
56	Sổ đi buồng	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	20
57	Sổ giao ban	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	25
58	Sổ giao nhận mẫu bệnh phẩm khoa sinh hóa	Quyển	A4 2 mặt/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	10
59	Sổ kiểm nhập thuốc HC, vật tư YT tiêu hao	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	15
60	Sổ kiểm tra	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	2
61	Sổ kháng sinh đồ	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	3
62	Sổ nuôi cấy	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	4

STT	Danh mục biểu mẫu	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
63	Sổ nhật ký nội kiểm	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	8
64	Sổ quyết toán I	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	6
65	Sổ quyết toán II	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	2
66	Sổ sinh hoạt hội đồng NB	Quyển	A4/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	7
67	Sổ tam tra	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	1
68	Sổ TD điều trị ngoại trú bệnh tuyến giáp	Quyển	A4/2 mặt/gấp đôi/ ≥152 trang/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	100
69	Sổ TD điều trị ngoại trú bệnh tuyến giáp	Quyển	A4/2 mặt/gấp đôi/≥28 trang/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	600
70	Sổ TD ĐT đái tháo đường tại nhà	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ ≥152 trang/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m² in mầu	500
71	Sổ TD ĐT NT tăng huyết áp	Quyển	Khổ A3/ gấp đôi/ 2 mặt/ ≥152 trang/ định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m² in mầu	480
72	Sổ TD XN tồn kho thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần	Quyển	A4/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	25
73	Sổ thu hồi thuốc	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng≥250g/m²	7
74	Sổ thủ thuật	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	5
75	Sổ thường trực	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	35

STT	Danh mục biểu mẫu	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng
76	Túi đựng phim XQ Scanner	Túi	Kích thước 38 x 45 cm Bìa Duplex định lượng ≥250g/m², in ảnh 2 mặt in 4 mầu	3.000
77	Túi đựng phim Xquang	Túi	Kích thước 25 x 35 cm in 2 mặt bìa việt trì định lượng ≥150g/m²	15.000
78	Sổ linh kiện sửa chữa điện	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	2
79	Sổ giao nhận dụng cụ khoa nhiễm khuẩn	Quyển	Khổ A4/gập đôi/≥100 tờ/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	31
80	Sổ theo dõi sử dụng hóa chất	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	10
81	Sổ theo dõi khám lại bệnh nhân sau gây mê	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	5
82	Sổ khám người bệnh trước gây mê	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	5
83	Sổ bàn giao thuốc	Quyển	A3/2 mặt/gấp đôi/ ≥200 trang/định lượng ≥70g/m², độ trắng 90÷92 / bìa Duplex định lượng ≥250g/m²	5
84	Sổ khám bệnh	Quyển	A5/ 2 mặt/ gấp đôi / bìa trắng	16.500
85	Bệnh án ĐT NT tăng huyết áp	Quyển	Khổ A3 bìa ngoại định lượng ≥150g/m² 5 nan	500
TỔNG CỘNG 85 MỤC				